

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG, TỈNH SÓC TRĂNG

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân và gia đình thụ lý số 92/2020/TLST-VHNGĐ ngày 03 tháng 9 năm 2020 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, nuôi con, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc hôn nhân và gia đình:

1. Bà **Lư S**, sinh năm 1989.

Địa chỉ: Số 218/2, đường D, khóm H, phường S, thành phố S, tỉnh S.

2. Ông **Trần Văn M**, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Số 392, đường L, khóm N, phường B, thành phố S, tỉnh S.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Lư S và ông Trần Văn M quen biết tìm hiểu được gia đình tổ chức lễ cưới và tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân phường 3, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 17/6/2011. Thời gian đầu hôn nhân của ông bà rất hạnh phúc nhưng đến năm 2018 giữa hai vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống về vấn đề tiền bạc, sống chung không phù hợp tánh tình, thường xuyên gây gổ cùng nhau. Ông bà đã cố gắng nhẫn nhịn cho gia đình hòa thuận, hạnh phúc nhưng mọi cố gắng của ông bà không có kết quả và từ đó ông bà đã sống ly thân cho đến nay. Xét thấy, ông M và bà S đã vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của vợ chồng, đó là không thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, không sống chung với nhau; làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích của hôn nhân cũng không đạt được nên căn cứ Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, công nhận sự thuận tình ly hôn của ông Trần Văn M và bà Lư S.

[2] Về con chung: Trong thời gian chung sống ông Trần Văn M và bà Lư S có 01 người con chung tên Trần Anh T (nam), sinh ngày 16/12/2011. Sau khi ly hôn, ông Trần Văn M và bà Lư S thống nhất giao cháu Trần Anh T (nam), sinh ngày 16/12/2011 cho bà Sang được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Lư S và ông Trần Văn M thống nhất thỏa thuận, ông M không cấp dưỡng nuôi cháu T.

[4] Về tài sản chung: Bà Lư S và ông Trần Văn M đều trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về nợ chung: Bà Lư S và ông Trần Văn M đều tự trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về lệ phí Tòa án: Bà Lư S và ông Trần Văn M đồng ý chịu là 150.000 đồng. Xét thấy, việc thỏa thuận của ông, bà phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án nên có cơ sở chấp nhận.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Lư S và ông Trần Văn M đều thuận tình ly hôn.
- Về con chung: Bà Lư S và ông Trần Văn M đều thống nhất thỏa thuận: Giao cháu Trần Anh T (nam), sinh ngày 16/12/2011 cho bà S được tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành.
- Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Lư S và ông Trần Văn M thống nhất thỏa thuận, ông M không cấp dưỡng nuôi cháu T.

Ông Trần Văn M có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung theo quy định tại Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Bà Lư S và ông Trần Văn M đều trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Bà Lư S và ông Trần Văn M đều trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí dân sự sơ thẩm: Bà Lư S và ông Trần Văn M mỗi người đồng ý chịu là 150.000 đồng nhưng được khấu trừ tiền tạm ứng lệ phí do bà S và ông M đã nộp theo các biên lai thu số 0004600 và 0004601 cùng ngày 31/8/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng. Bà Sang và ông M đã nộp xong lệ phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSNDTP Sóc Trăng;
- Chi cục THADS - TPST;
- UBND phường 3, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Đã ký

Lý Bích Khiêm